

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 - 2024
V/v “*Tranh chấp về ly hôn và
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Soạn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố Trà 2, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Anh Phùng Doãn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố Yên, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và

anh Phùng Doãn T kết hôn ngày 27 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu và sống chung với gia đình anh T. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 10/2017 vợ chồng mâu thuẫn do anh T chơi bời không chịu làm ăn. Đến tháng 3/2024 vợ chồng mâu thuẫn càng tăng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, vay nợ của nhiều người không quan tâm chăm lo cho gia đình, nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh. Chị đã về nhà bố mẹ để ở từ tháng 3/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn anh Phùng Doãn T tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh T trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Anh xác nhận có một thời gian chơi bời nhưng anh đã cố gắng thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh có nhắn tin gọi điện cho chị T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Phùng Xuân P, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2018 và cháu Phùng Hải A, sinh ngày 03/7/2020, hiện nay hai cháu đang ở với T.

Ly hôn, chị T và anh T đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung, nếu bên nào được nuôi con thì không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về thu nhập chị T, anh T đều trình bày anh chị kinh doanh đồ sơ sinh, thu nhập của anh T và chị T khoảng 30.000.000đ/tháng

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy

định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phùng Doãn T; Xử về con chung: Giao cháu Phùng Hải A, sinh ngày 03/7/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phùng Xuân P cho anh Phùng Doãn T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phùng Doãn T đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 3/2024 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, anh T hay chơi bời không chăm lo cho gia đình vợ con. Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Về việc anh T trình bày vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác tại phiên tòa chị T trình bày trong thời gian Tòa án thành phố Vĩnh Yên giải quyết ly hôn giữa chị và anh T thì khi chị đi đường gặp anh T, anh đã chặn xe của chị và có những lời nói thiếu tôn trọng đối với chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh T.

[2.1]. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Phùng Xuân P, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2018 và cháu Phùng Hải A, sinh ngày 03/7/2020, hiện nay hai cháu đang ở với T.

Ly hôn, chị T và anh T đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung và đều không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng và giáo dục con chung của chị T và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên nếu giao cả hai con chung cho một bên nuôi dưỡng thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu được tốt nhất nên giao cho mỗi người nuôi một cháu. Đối với cháu A nhỏ tuổi hơn cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để cháu được phát triển toàn diện nên cần giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với cháu P lớn hơn nên giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.2]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phùng Doãn T.

1.1. Về con chung: Giao cháu Phùng Hải A, sinh ngày 03/7/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Phùng Xuân P, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2018 cho anh Phùng Doãn T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005821 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phùng Doãn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- UBND phường Hội Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Đường

